TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST.
Ngày: 30 - 12 - 2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám.

Nghề nghiệp: Công chức.

Nơi công tác: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cù Lao Dung.

2. Bà Trần Lệ Hằng.

Nghề nghiệp: Công chức.

Nơi công tác: Hội đồng nhân dân huyện Cù Lao Dung.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/TLST-HS, ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986 tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (còn sống) và bà Nguyễn Thị N (còn sống); có vợ là Lý Thị Thanh H; có

02 người con lớn nhất sinh năm 2011 nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không có; tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/7/2020, sau đó bị cáo bỏ trốn. Vào ngày 30/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cù Lao Dung ra quyết định truy nã bị cáo và việc truy nã không có kết quả, đến nay chưa bắt được bị cáo "vắng mặt".

** Bị hại:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh "có mặt".

** Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1981; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

2. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1953; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà trọ H tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện C có 07 phòng trọ cho thuê do bà Trần Thị B làm chủ. Chị Nguyễn Thị H thuê phòng trọ số 01, còn Nguyễn Văn T thuê phòng trọ số 06 để sinh sống hàng ngày. Vào khoảng 20 giờ ngày 29/5/2020 chị H đậu xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu đen – trắng, biển số kiểm soát 84H2-7724 của chị H tại dãy hành lang trước phòng trọ số 01. T ngủ tại phòng trọ số 06, đến khi nghe tiếng gà gáy sáng (lúc này đã qua ngày 30/5/2020) T thức dậy đi vệ sinh và nhìn thấy chiếc xe của chị H đang đậu tại dãy hành lang trước cửa phòng trọ số 01 của chị H (đầu xe hướng về phòng của chủ nhà trọ, đuôi xe hướng về phòng số 06) không ai trông coi, xe không khóa cổ cũng như không có các hệ thống khóa khác để bảo vệ xe, nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe của chị H. T quan sát thấy xung quanh dãy trọ đều ngủ hết, bên ngoài không có ai nên T dẫn xe lùi lại và dẫn xuống dốc ra khỏi nhà trọ H, T tiếp tục dẫn xe đi về hướng Ủy ban nhân dân thị trấn C rồi qua chợ B hướng về vòng xoay ngã tư B, khi đến gần vòng xoay thì T dừng lại, giật đứt dây khóa và đạp cần khởi động xe, nhưng xe không nổ máy nên T dẫn xe qua ngã tư rồi dừng lại nghỉ mệt đến khi trời gần sáng T dẫn xe đến tiệm sửa xe của anh Nguyễn Hữu D, lúc này tiệm sửa xe chưa mở cửa, T ngồi đợi đến khoảng 06 giờ sáng ngày 30/5/2020 thì anh D mở cửa tiệm, T kêu anh D thay ổ khóa xe và trưa sẽ đến lấy. Sau đó T nhờ anh D chở về nhà trọ H và T thay đồ đi làm bình thường.

Đối với chị H đến khoảng 02 giờ 30 phút sáng ngày 30/5/2020 chị H thức dậy thì phát hiện chiếc xe mô tô của chị đậu trước dãy hành lang phòng trọ bị mất nên chị H đến Công an thị trấn C trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận tin báo tố giác thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã tiến hành điều tra, xác minh làm rõ và đã chứng minh được Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu đen – trắng, biển số kiểm soát 84H2-7724 của chị Nguyễn Thị H.

Tại bản kết luận Hội đồng định giá tài sản số: 05/2020/KL.HĐĐG, ngày 05/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cù Lao Dung kết luận: tổng giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu đen – trắng, biển số kiểm soát 84H2-7724 là 2.600.000 đồng (*hai triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-CLD, ngày 09 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung để xét xử Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số: 19/CT-VKS-CLD, ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do mình gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có thu nhập ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: do bị hại Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên đề nghị không đặt ra xem xét.

- Ý kiến của bị hại Nguyễn Thị H: yêu cầu xét xử bị cáo Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên tòa, nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T trước khi mở phiên tòa bị cáo đã bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[3] Đối với người làm chứng anh Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do việc vắng mặt của anh D và bà B tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng anh D và bà B theo quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi của bị cáo: trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: vào sáng ngày 30/5/2020 tại nhà trọ H thuộc ấp C, thị trấn C, huyện C bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu đen – trắng, biển số kiểm soát 84H2-7724 của chị Nguyễn Thị H trị giá 2.600.000 đồng (*hai triệu sáu trăm ngàn đồng*). Hành vi lấy trộm tài sản của người khác mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Trong quá trình điều tra, bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, nhất là tại khu vực ấp C, thị trấn C,

huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nhưng chỉ vì bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải lao động chính đáng mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy, cáo trạng số: 19/CT-VKS-CLD, ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do mình gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, căn cứ vào điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[8] Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Xét thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì có thể được xem xét cho hưởng án treo. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bỏ trốn, chứng tỏ rằng bị cáo không ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, gây cản trở cho việc xét xử, vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thị H đã nhận lại đủ số tài sản bị trộm gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu đen – trắng, biển số kiểm soát 84H2-7724 và tiền sửa chữa xe. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường thêm gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã xử lý bằng cách trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angle, màu đen – trắng, biển số kiểm soát 84H2-7724 cho bị hại Nguyễn Thị H (theo biên bản về

việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung và bị hại). Xét thấy vật chứng của vụ án đã được xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (*sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: do bị hại Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)*.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo